

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA TUYỂN SINH 2018
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2018-2019
(Chính thức)

Lưu ý: Thời khóa biểu áp dụng từ ngày 07/01/2019

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
1	31131131	Đa thức và nhân tử hóa	01	3	Nguyễn Ngọc Châu	18ST	B3-201	7	Sáng	1	4	
2	31151249	Giải tích thực nhiều biến	01	5	Lê Hoàng Trí	18ST	B3-206	4	Sáng	4	2	
3	31151249	Giải tích thực nhiều biến	01	5	Lê Hoàng Trí	18ST	B3-401	2	Sáng	1	3	
4	32021738	Tham vấn tâm lý	01	2	Hồ Thị Thuý Hằng	18ST	A1-203	6	Chiều	6	3	
5	32041719	Tâm lý học giáo dục	02	4	Nguyễn Thị Phương Trang	18ST	A5-404B	6	Sáng	1	5	
6	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	01	3	Trần Quốc Chiến	18CNTT1	B3-206	4	Chiều	6	4	
7	31231363	Kiến trúc máy tính	01	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT1	A5-404 (HT)	3	Sáng	2	4	
8	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	01	3	Nguyễn Thanh Tuấn	18CNTT1	B3-303	6	Chiều	6	4	
9	31231907	Tối ưu tuyến tính	01	3	Nguyễn Đình Lầu	18CNTT1	B5-06	3	Chiều	6	4	
10	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	01	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	18CNTT1	A5-305	4	Sáng	3	3	
11	32021370	Kỹ năng giao tiếp	01	2	Hoàng Thế Hải	18CNTT1	A5-403	5	Chiều	6	3	
12	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	02	3	Trần Quốc Chiến	18CNTT2	B3-305	3	Sáng	1	4	
13	31231363	Kiến trúc máy tính	02	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT2	A5-304	5	Sáng	2	4	
14	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	02	3	Lê Thành Công	18CNTT2	B3-201	4	Sáng	1	4	
15	31231907	Tối ưu tuyến tính	02	3	Nguyễn Đình Lầu	18CNTT2	A5-305	7	Sáng	2	4	
16	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	02	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CNTT2	B3-501	5	Chiều	6	3	
17	31221451	Lý thuyết tính toán	03	2	Trần Văn Hưng	18CNTT3	B3-502	4	Sáng	3	3	
18	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	03	3	Phạm Anh Phương	18CNTT3	B3-403	5	Chiều	6	4	
19	31231363	Kiến trúc máy tính	03	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT3	B3-401	2	Chiều	7	4	
20	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	03	3	Nguyễn Hoàng Hải	18CNTT3	B3-301	6	Sáng	1	4	
21	31231907	Tối ưu tuyến tính	03	3	Trần Quốc Chiến	18CNTT3	B3-306	7	Sáng	1	4	
22	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	03	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CNTT3	B3-305	4	Chiều	7	3	
23	32021370	Kỹ năng giao tiếp	03	2	Hoàng Thế Hải	18CNTT3	B4-02	3	Chiều	6	3	
24	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	04	3	Phạm Anh Phương	18CNTT4	B3-102	5	Sáng	1	4	
25	31231363	Kiến trúc máy tính	04	3	Đoàn Duy Bình	18CNTT4	B3-506	2	Sáng	2	4	
26	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	04	3	Trần Uyên Trang	18CNTT4	B3-506	2	Chiều	6	4	
27	31231907	Tối ưu tuyến tính	04	3	Nguyễn Đình Lầu	18CNTT4	A5-403	4	Chiều	6	4	
28	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	04	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CNTT4	B3-501	6	Sáng	1	3	
29	32021370	Kỹ năng giao tiếp	04	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18CNTT4	A5-403	6	Chiều	6	3	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
30	31218008	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	01	1	Nguyễn Trần Quốc Vinh	18CNTTC	A6-504	6	Chiều	6	3	
31	31228061	Tối ưu tuyến tính	01	2	Nguyễn Đình Lầu	18CNTTC	A6-301	5	Chiều	6	3	
32	31238026	Lập trình hướng đối tượng	01	3	Lê Thành Công	18CNTTC	A6-401	7	Sáng	1	4	
33	31248027	Toán rời rạc	01	4	Nguyễn Đình Lầu	18CNTTC	A6-504	5	Sáng	2	4	
34	31628019	Các chủ đề về đạo đức, luật pháp và xã hội trong công nghệ thông tin	01	2	Khoa Giáo dục Chính trị	18CNTTC	A6-504	3	Sáng	1	3	
35	32028020	Kỹ năng giao tiếp	01	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18CNTTC	A6-401	2	Sáng	1	3	
36	31231051	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	05	3	Nguyễn Đình Lầu	18CNTTD	B5-02	6	Sáng	2	4	
37	31231363	Kiến trúc máy tính	05	3	Đoàn Duy Bình	18CNTTD	A5-404B	4	Chiều	7	4	
38	31231387	Lập trình C/C++ nâng cao	05	3	Lê Thành Công	18CNTTD	A5-304	2	Chiều	7	4	
39	31231907	Tối ưu tuyến tính	05	3	Nguyễn Đình Lầu	18CNTTD	B5-04	4	Sáng	2	4	
40	31721875	Tiếng Việt thực hành (TN)	05	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CNTTD	B3-405	3	Chiều	7	3	
41	31141901	Toán cao cấp 2	01	4	Phan Đức Tuấn	18SVL	A1-102	2	Chiều	6	3	
42	31141901	Toán cao cấp 2	01	4	Phan Đức Tuấn	18SVL	A1-203	5	Chiều	9	2	
43	31321508	Nhập môn ngành Sư phạm Vật lý	01	2	Phùng Việt Hải	18SVL	A1-203	3	Sáng	1	3	
44	31321828	Thực hành Vật lý đại cương 1	01	2	Khoa bố trí	18SVL						
45	31341200	Điện và từ học	01	4	Nguyễn Quý Tuấn	18SVL	B3-206	6	Sáng	4	2	
46	31341200	Điện và từ học	01	4	Nguyễn Quý Tuấn	18SVL	B3-306	7	Chiều	6	3	
47	32031255	Giáo dục học	03	3	Lê Thị Hằng	18SVL	B3-105	6	Chiều	6	4	
48	31331980	Vật lý đại cương 2	01	3	Lê Thị Phương Thảo	18SHH	B3-201	3	Sáng	1	4	
49	31421084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	01	2	Đỗ Thị Thúy Vân	18SHH	B3-205	4	Chiều	6	3	
50	31441318	Hóa vô cơ	01	4	Phạm Văn Tuấn	18SHH	B3-304	2	Sáng	4	2	
51	31441318	Hóa vô cơ	01	4	Phạm Văn Tuấn	18SHH	B5-05	4	Sáng	1	3	
52	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	03	2	Bùi Văn Vân	18SHH	B3-405	2	Chiều	6	3	
53	32041719	Tâm lý học giáo dục	01	4	Hoàng Thế Hải	18SHH+	A1-203	7	Sáng	1	5	
54	31331980	Vật lý đại cương 2	02	3	Lê Thị Phương Thảo	18CHD	A5-403	4	Sáng	1	4	
55	31421084	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	02	2	Bùi Ngọc Phương Châu	18CHD	B3-205	5	Sáng	1	3	
56	31421316	Hóa sinh	01	2	Nguyễn Thị Bích Hằng	18CHD	A1-101	6	Chiều	6	3	
57	31421804	Thực hành hóa vô cơ	01	2	Khoa bố trí	18CHD						
58	31441318	Hóa vô cơ	02	4	Ngô Thị Mỹ Bình	18CHD	B3-103	3	Sáng	1	3	
59	31441318	Hóa vô cơ	02	4	Ngô Thị Mỹ Bình	18CHD	B3-504	6	Sáng	4	2	
60	31522142	Phân loại thực vật	01	2	Khoa bố trí	18CHD						
61	31338170	Vật lý đại cương 2	01	3	Lê Thị Phương Thảo	18CHDC	A6-401	5	Sáng	1	4	
62	31428001	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	01	2	Đinh Văn Tạc	18CHDC	A6-401	3	Chiều	6	3	
63	31428173	Thực hành hóa vô cơ	01	2	Đinh Văn Tạc	18CHDC						
64	31428188	Hóa sinh	01	2	Nguyễn Thị Bích Hằng	18CHDC	A6-401	2	Chiều	6	3	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
65	31448172	Hóa vô cơ	01	4	Đinh Văn Tạc	18CHDC	A6-504	4	Sáng	1	4	
66	31528213	Phân loại thực vật	01	2	Nguyễn Thị Đào	18CHDC						
67	31511832	Thực hành vi sinh vật học	01	1	Khoa bố trí	18SS						
68	31521814	Thực hành sinh học động vật	01	2	Khoa bố trí	18SS						
69	31531679	Sinh học động vật	01	3	Nguyễn Thị Tường Vi	18SS	B3-504	6	Chiều	7	4	
70	31521307	Hóa học phân tích	01	2	Võ Thắng Nguyên	18SS+	B3-503	3	Sáng	1	3	
71	31531987	Vi sinh vật học	01	3	Đoàn Thị Vân	18SS+	A1-101	2	Sáng	1	4	
72	31121994	Xác suất thống kê	01	2	Nguyễn Thị Hải Yến	18CTM	B3-404	6	Chiều	6	3	
73	31411797	Thực hành hóa đại cương	01	1	Khoa bố trí	18CTM						
74	31411802	Thực hành hóa phân tích	01	1	Khoa bố trí	18CTM						
75	31421315	Hóa phân tích	01	2	Nguyễn Thị Hường	18CTM	B3-105	3	Sáng	1	3	
76	31521596	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học môi trường	01	2	Nguyễn Văn Khánh	18CTM	B5-05	6	Sáng	1	3	
77	31521688	Sinh thái học	01	2	Nguyễn Văn Khánh	18CTM	B3-504	7	Sáng	1	3	
78	31921825	Thực hành trắc địa Đại cương	02	2	Lê Ngọc Hành	18CTM					3	
79	31931916	Trắc địa Đại cương	02	3	Nguyễn Thị Diệu	18CTM	A6-503	5	Chiều	6	4	
80	31411803	Thực hành hóa sinh học	01	1	Khoa bố trí	18CNSH						
81	31431317	Hóa sinh học	01	3	Nguyễn Thị Bích Hằng	18CNSH	B3-205	7	Sáng	1	4	
82	31511807	Thực hành nhập môn công nghệ sinh học	01	1	Khoa bố trí	18CNSH						
83	31521503	Nhập môn công nghệ sinh học	01	2	Võ Châu Tuấn	18CNSH	B3-504	4	Sáng	3	3	
84	31622003	Triết học Mác - Lênin 2	01	2	Đinh Thị Phụng	18SGC	B3-105	2	Sáng	1	3	
85	31632022	Lịch sử triết học phương Tây	01	3	Đinh Thị Phụng	18SGC	B5-04	6	Sáng	1	4	
86	31632025	Lô gic học	01	3	Lưu Thị Mai Thanh	18SGC	B5-04	6	Chiều	6	4	
87	32021273	Giao tiếp sư phạm	03	2	Nguyễn Thị Phương Trang	18SGC	B3-205	2	Chiều	8	3	
88	31622048	Nhạc lý 2	01	2	Hoàng Đình Phương	18SAN	A5-402(THAN)	3	Chiều	6	3	
89	31622052	Ký xướng âm 2	01	2	Trương Quang Minh Đức	18SAN	A5-401(THPian0)	2	Sáng	1	3	
90	31622060	Nhạc cụ phím điện tử 2	01	2	Phan Thị Quỳnh Lam	18SAN	A5-401(THPian0)	5	Sáng	1	3	
91	31622065	Thanh nhạc 2	01	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	18SAN	A5-402(THAN)	6	Sáng	1	3	
92	31622084	Hát đồng ca, hợp xướng	01	2	Nguyễn Thị Thu Phương	18SAN	A5-402(THAN)	7	Sáng	1	3	
93	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	01	2	Nguyễn Mạnh Hồng	18SAN+	A1-204	3	Sáng	1	3	
94	32031255	Giáo dục học	01	3	Lê Thị Hằng	18SGC+	B3-302	4	Sáng	1	4	
95	32031255	Giáo dục học	02	3	Bùi Văn Văn	18SGC+	B3-202	5	Chiều	6	4	
96	31721133	Đại cương mỹ học	01	2	Nguyễn Thanh Trường	18SNV	B3-505	3	Sáng	1	3	
97	31721287	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	01	2	Nguyễn Quang Huy	18SNV	B5-03	4	Chiều	7	3	
98	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	01	2	Trần Văn Sáng	18SNV	B3-203	6	Sáng	3	3	
99	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	01	3	Phạm Thị Thu Hương	18SNV	B5-03	6	Chiều	7	4	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
100	31731748	Thi pháp văn học dân gian	01	3	Lê Đức Luận	18SNV	A6-403	7	Sáng	1	4	
101	31521470	Môi trường và con người	01	2	Trịnh Đăng Mậu	18CVH	A1-103	2	Chiều	8	3	
102	31721142	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	01	2	Nguyễn Quang Huy	18CVH	A1-204	3	Chiều	6	3	
103	31721493	Ngữ âm tiếng Việt	02	2	Trần Văn Sáng	18CVH	A1-204	4	Sáng	1	3	
104	31731506	Nhập môn lý luận văn học	01	3	Nguyễn Thanh Trường	18CVH	A1-204	5	Chiều	6	4	
105	31731969	Văn học Trung Quốc	01	3	Trần Ái Vân	18CVH	B3-301	6	Chiều	6	4	
106	31821418	Lịch sử tư tưởng phương Đông	01	2	Nguyễn Hoàng Thân	18CVH	A1-204	7	Sáng	1	3	
107	31821424	Lịch sử Việt Nam đại cương	01	2	Trương Anh Thuận	18CVH	B3-101	7	Chiều	6	3	
108	31621741	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	01	2	Khoa Giáo dục Chính trị	18CVHH	B3-304	4	Chiều	6	3	
109	31721133	Đại cương mỹ học	02	2	Phạm Thị Thu Hương	18CVHH	B3-103	5	Chiều	7	3	
110	31722152	Văn hóa dân gian Việt Nam	01	2	Lê Đức Luận	18CVHH	B3-206	3	Chiều	6	3	
111	31821078	Cơ sở khảo cổ học	01	2	Trương Anh Thuận	18CVHH	B3-505	4	Sáng	1	3	
112	31821132	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	01	2	Trần Thị Mai An	18CVHH	B3-505	6	Sáng	3	3	
113	31831418	Lịch sử tư tưởng phương Đông	01	3	Nguyễn Hoàng Thân	18CVHH	B3-505	6	Chiều	6	4	
114	31721873	Tiếng Việt thực hành	03	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	18CBC1	B4-04	2	Sáng	3	3	
115	31721970	Văn học và báo chí	01	2	Nguyễn Thanh Trường	18CBC1	A1-101	6	Sáng	1	3	
116	31722090	Tác phẩm báo chí	01	2	Cao Thị Xuân Phụng	18CBC1	A5-404 (HT)	4	Sáng	4	2	
117	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	01	2	Trần Thị Hòa	18CBC1	B3-306	3	Sáng	1	3	
118	31722164	Báo chí và chính trị	01	2	Khoa bố trí	18CBC1						
119	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	01	4	Phạm Thị Thu Hà	18CBC1	B4-03	7	Sáng	1	5	
120	31721873	Tiếng Việt thực hành	04	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CBC2	B3-205	6	Chiều	6	3	
121	31721970	Văn học và báo chí	02	2	Nguyễn Thanh Trường	18CBC2	B4-04	7	Sáng	1	3	
122	31722090	Tác phẩm báo chí	02	2	Cao Thị Xuân Phụng	18CBC2	B3-101	4	Sáng	2	2	
123	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	02	2	Trần Thị Hòa	18CBC2	A1-204	2	Sáng	1	3	
124	31722129	Các vùng văn hóa Việt Nam	02	2	Hoàng Thị Mai Sa	18CBC2	B4-04	3	Sáng	1	3	
125	31722164	Báo chí và chính trị	02	2	Khoa bố trí	18CBC2						
126	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	02	4	Phạm Thị Thu Hà	18CBC2	B4-04	6	Sáng	1	5	
127	31721873	Tiếng Việt thực hành	05	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	18CBC3	A1-103	7	Sáng	1	3	
128	31721970	Văn học và báo chí	03	2	Nguyễn Thanh Trường	18CBC3	B4-03	6	Chiều	6	3	
129	31722090	Tác phẩm báo chí	03	2	Cao Thị Xuân Phụng	18CBC3	B3-503	2	Sáng	1	2	
130	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	03	2	Trần Thị Hòa	18CBC3	B4-04	5	Chiều	8	3	
131	31722129	Các vùng văn hóa Việt Nam	03	2	Hoàng Thị Mai Sa	18CBC3	B4-03	5	Sáng	1	3	
132	31722164	Báo chí và chính trị	03	2	Khoa bố trí	18CBC3						
133	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	03	4	Phạm Thị Thu Hà	18CBC3	A6-503	4	Sáng	1	5	
134	31721873	Tiếng Việt thực hành	06	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	18CBC4	B3-501	7	Sáng	1	3	
135	31721970	Văn học và báo chí	04	2	Nguyễn Thanh Trường	18CBC4	B3-401	5	Sáng	1	3	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
136	31722090	Tác phẩm báo chí	04	2	Cao Thị Xuân Phượng	18CBC4	B3-405	2	Sáng	3	2	
137	31722101	Báo chí và dư luận xã hội	04	2	Trần Thị Hòa	18CBC4	B3-501	4	Sáng	3	3	
138	31722129	Các vùng văn hóa Việt Nam	04	2	Hoàng Thị Mai Sa	18CBC4	B3-401	3	Chiều	6	3	
139	31722164	Báo chí và chính trị	04	2	Khoa bố trí	18CBC4						
140	31742089	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	04	4	Phạm Thị Thu Hà	18CBC4	A5-305	4	Chiều	6	5	
141	31728022	Tiếng Việt thực hành	01	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	18CBCC	A6-301	3	Sáng	1	3	
142	31728113	Văn học và báo chí	01	2	Nguyễn Thanh Trường	18CBCC	B4-05	3	Chiều	6	3	
143	31728116	Tác phẩm báo chí	01	2	Khoa bố trí	18CBCC	A6-401	6	Chiều	6	3	
144	31728130	Báo chí và dư luận xã hội	01	2	Trần Thị Hòa	18CBCC	A1-103	5	Sáng	1	3	
145	31728149	Báo chí và chính trị	01	2	Khoa bố trí	18CBCC						
146	31748115	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	01	4	Phạm Thị Thu Hà	18CBCC	A6-301	2	Sáng	1	4	
147	31831502	Nhân học đại cương	01	3	Trần Thị Mai An	18SLS+	B5-04	2	Chiều	6	4	
148	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	01	4	Dương Thị Tuyết	18SLS+	A5-305	3	Chiều	6	5	
149	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	01	4	Nguyễn Duy Phương	18SLS+	B3-405	6	Sáng	1	5	
150	31821078	Cơ sở khảo cổ học	02	2	Trương Anh Thuận	18CVNH1	B4-02	6	Chiều	8	3	
151	31821416	Lịch sử thế giới đại cương	02	2	Trương Trung Phương	18CVNH1	B3-501	3	Chiều	6	3	
152	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	01	2	Hồ Thị Thuý Hằng	18CVNH1	B3-301	2	Sáng	1	3	
153	31821708	Tài nguyên du lịch	01	2	Ngô Thị Hường	18CVNH1	B3-301	7	Sáng	1	3	
154	31831221	Du lịch làng nghề	01	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH1	B4-06	5	Chiều	6	4	
155	31831944	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	01	3	Trần Thị Mai An	18CVNH1	B4-06	3	Sáng	1	4	
156	31821078	Cơ sở khảo cổ học	03	2	Trương Anh Thuận	18CVNH2	B4-06	2	Chiều	6	3	
157	31821416	Lịch sử thế giới đại cương	03	2	Trương Trung Phương	18CVNH2	B3-303	7	Chiều	6	3	
158	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	02	2	Hồ Thị Thuý Hằng	18CVNH2	B4-06	3	Chiều	6	3	
159	31821708	Tài nguyên du lịch	02	2	Ngô Thị Hường	18CVNH2	A5-302	3	Sáng	1	3	
160	31831221	Du lịch làng nghề	02	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH2	A1-204	4	Chiều	6	4	
161	31831944	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	02	3	Trần Thị Mai An	18CVNH2	B4-06	4	Sáng	1	4	
162	31821078	Cơ sở khảo cổ học	04	2	Trương Anh Thuận	18CVNH3	B4-03	5	Chiều	8	3	
163	31821416	Lịch sử thế giới đại cương	04	2	Trương Trung Phương	18CVNH3	B5-06	3	Sáng	1	3	
164	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	03	2	Hồ Thị Thuý Hằng	18CVNH3	B3-506	6	Sáng	1	3	
165	31821708	Tài nguyên du lịch	03	2	Ngô Thị Hường	18CVNH3	B3-501	2	Chiều	6	3	
166	31831221	Du lịch làng nghề	03	3	Lê Thị Thu Hiền	18CVNH3	B3-501	2	Sáng	1	4	
167	31831944	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	03	3	Trần Thị Mai An	18CVNH3	B4-06	7	Sáng	1	4	
168	31831897	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	02	3	Khoa bố trí	18CLS						
169	31921337	Khoa học môi trường đại cương	01	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	18SDL	A5-302	6	Chiều	6	3	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
170	31921594	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (Địa lý)	01	2	Đậu Thị Hòa	18SDL	A1-204	7	Sáng	4	2	
171	31121765	Thống kê thực hành	02	2	Cao Văn Nuôi	18SDL+	B3-306	2	Chiều	8	3	
172	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	01	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	18SDL+	B3-404	5	Sáng	1	3	
173	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	02	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	18SDL+	B4-06	4	Chiều	6	3	
174	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	01	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	18SDL+	B5-06	2	Sáng	1	3	
175	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	02	2	Nguyễn Thị Hải Yến	18SDL+	B5-06	7	Sáng	1	3	
176	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	03	2	Hoàng Thế Hải	18SDL+	B5-06	7	Chiều	6	3	
177	31821366	Kinh tế du lịch	01	2	Ngô Thị Hường	18CDDL1	B3-201	5	Chiều	6	3	
178	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	01	3	Trương Trung Phương	18CDDL1	A5-302	6	Sáng	1	4	
179	31921178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	01	2	Trương Phước Minh	18CDDL1	B3-105	7	Sáng	1	3	
180	31921406	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	01	2	Nguyễn Duy Phương	18CDDL1	B3-306	4	Sáng	1	3	
181	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	01	3	Hồ Phong	18CDDL1	A5-404B	3	Chiều	6	4	
182	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	03	3	Trần Thị Mai An	18CDDL1	B3-203	6	Chiều	6	4	
183	31821366	Kinh tế du lịch	02	2	Ngô Thị Hường	18CDDL2	B4-06	2	Sáng	1	3	
184	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	02	3	Trương Trung Phương	18CDDL2	A5-403	2	Chiều	6	4	
185	31921178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	02	2	Trương Phước Minh	18CDDL2	B3-404	6	Sáng	1	3	
186	31921406	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	02	2	Nguyễn Duy Phương	18CDDL2	B3-504	7	Chiều	6	3	
187	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	02	3	Hồ Phong	18CDDL2	A5-304	4	Sáng	1	4	
188	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	04	3	Trần Thị Mai An	18CDDL2	B3-506	5	Chiều	6	4	
189	31721993	Xã hội học đại cương	05	2	Hà Văn Hoàng	18CTL1	B3-502	6	Chiều	6	3	
190	32041114	Công tác xã hội	01	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	18CTL1	A6-402	5	Sáng	1	5	
191	32041715	Tâm lý học đại cương 2	01	4	Nguyễn Thị Trâm Anh	18CTL1	B3-303	2	Chiều	6	5	
192	32021716	Tâm lý học đại cương 3	01	2	Lê Mỹ Dung	18CTL1+	A5-304	3	Chiều	6	3	
193	31721993	Xã hội học đại cương	06	2	Hà Văn Hoàng	18CTL2	A5-404B	2	Chiều	6	3	
194	32041114	Công tác xã hội	02	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	18CTL2	B3-403	4	Sáng	1	5	
195	32041715	Tâm lý học đại cương 2	02	4	Nguyễn Thị Trâm Anh	18CTL2	B3-303	3	Sáng	1	5	
196	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	04	2	Trương Trung Phương	18CTXH	B4-06	6	Chiều	6	3	
197	32021851	Thực tế công tác xã hội	01	2	Khoa bố trí	18CTXH						
198	32031369	Kỹ năng công tác xã hội	03	3	Trịnh Thị Nguyệt	18CTXH	B3-501	3	Sáng	1	4	
199	32041724	Tâm lý học phát triển	01	4	Hồ Thị Thuý Hằng	18CTXH	B3-501	5	Sáng	1	5	
200	31128073	Thống kê thực hành	01	2	Cao Văn Nuôi	18CTLC	A6-401	3	Sáng	1	3	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Ghi chú
201	32038075	Developmental Psychology 1 (Tâm lý học phát triển 1)	01	3	Nguyễn Thị Phương Trang	18CTL	A6-301	4	Sáng	1	4	
202	32048074	Tâm lý học đại cương 2	01	4	Nguyễn Thị Trâm Anh	18CTL	A6-301	5	Sáng	1	5	
203	33128102	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	01	2	Bùi Thị Thanh Diệu	18CTL	A6-301	3	Chiều	6	3	
204	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	02	2	Phạm Thị Tú Trinh	18STH	B3-102	6	Sáng	1	3	
205	32031259	Giáo dục học tiểu học (2)	01	3	Bùi Văn Vân	18STH	B3-101	5	Sáng	1	4	
206	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	01	2	Trần Thị Kim Cúc	18STH	B3-402	4	Sáng	1	3	
207	32221683	Sinh lý học trẻ em	01	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	18STH	A5-302	4	Chiều	6	3	
208	32231089	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	01	3	Nguyễn Nam Hải	18STH	B3-101	2	Chiều	6	4	
209	32241094	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	01	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	18STH	B3-101	3	Chiều	6	5	
210	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	01	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18SMN	B3-301	4	Chiều	8	3	
211	32321968	Văn học trẻ em	01	2	Võ Thị Bảy	18SMN	B3-301	5	Sáng	1	3	
212	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	01	3	Phan Thị Nga	18SMN	B3-301	2	Chiều	6	4	
213	32331257	Giáo dục học mầm non	01	3	Lê Thị Hằng	18SMN	B3-301	3	Sáng	1	4	
214	32331687	Sinh lý học trẻ mầm non	01	3	Trần Hồ Uyên	18SMN	A5-304	7	Sáng	1	4	
215	32341007	Âm nhạc	01	4	Nguyễn Thị Yến	18SMN	B3-101	5	Chiều	6	5	

Ghi chú

- Các mốc thời gian đi thực tập, thực tế thiên nhiên, kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nghỉ tết, đi học Giáo dục Quốc phòng theo kế hoạch năm học 2018-2019. Riêng kế hoạch năm học các Lớp 18CBCC, 18CTL có thay đổi (theo kế hoạch của Khối tự nhiên Chất lượng cao khóa 2018).
- Đối với các học phần thành giảng, mời giảng: các Khoa lập tờ trình (kèm hồ sơ mời giảng theo quy định 2823/QĐ-ĐHĐN) gửi về phòng Đào tạo trước ngày 07/01/2019 để tổng hợp và trình Lãnh đạo Trường duyệt mới được thực hiện và thanh toán giờ giảng.
- Riêng các học phần Ngoại ngữ, GDTC, Nguyên lý Mác-Lênin, Tư tưởng HCM, Đường lối Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tin học Đại cương (Tin học CN1) có thời khóa biểu riêng.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 01 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


TS. PHAN ĐỨC TUẤN